

XUẤT NHẬP KHẨU DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Bùi Thị Quỳnh Nga
ngabui@phs.vn

- Hoạt động xuất nhập khẩu tháng 2 mặc dù có sự chậm lại do yếu tố Tết Nguyên đán. Tuy nhiên lũy kế 2 tháng đầu năm vẫn ghi nhận mức tăng trưởng vượt trội so với cùng kỳ năm trước.
- Thị trường Mỹ và EU tiếp tục là thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đặc biệt là khi nền kinh tế Mỹ vẫn đang cho thấy mức tăng trưởng ấn tượng.
- Các sản phẩm nông, lâm sản và sắt thép tiếp tục là động lực hỗ trợ cho xuất khẩu của khu vực trong nước tăng trưởng mạnh mẽ. Trong khi đó, xuất khẩu của khu vực FDI tiếp tục được hưởng lợi nhờ chu kỳ bùng nổ của đồ điện tử.

Xuất nhập khẩu tháng 2 chậm lại do trong tháng có kỳ nghỉ Lễ Tết Nguyên đán dài 8 ngày. Tuy nhiên, lũy kế 2 tháng đầu năm, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu vẫn ghi nhận mức tăng lần lượt là 19.3% và 17.35% so với cùng kỳ năm ngoái. Cán cân thương mại tiếp tục ghi nhận thặng dư 1.37 tỷ USD trong tháng 2. Lũy kế từ đầu năm cán cân thương mại thặng dư 5 tỷ USD, tiếp tục là mức thặng dư kỷ lục trong cùng kỳ từ trước đến nay.

Xét theo khu vực, tăng trưởng xuất khẩu của khu vực trong nước tiếp tục cho thấy sự bứt phá tốt hơn so với khu vực FDI trong 2 tháng đầu năm. Trong đó, xuất khẩu của khu vực trong nước tăng 31.6%, khu vực FDI tăng 15.3% so với cùng kỳ năm ngoái.

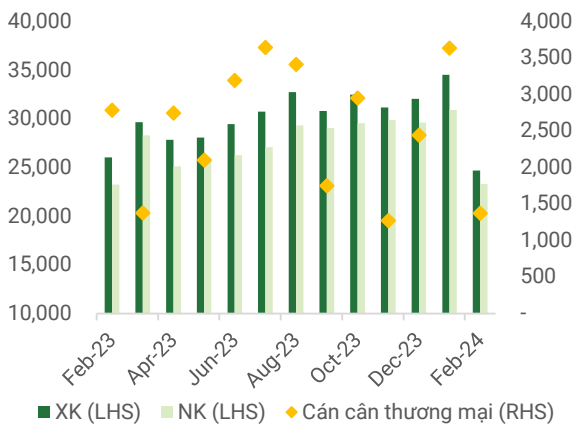
Xét về đối tác xuất khẩu: Xuất khẩu tháng 2 chậm lại ở tất cả các khu vực do yếu tố chu kỳ. Tuy nhiên, mức giảm của Mỹ và Trung Quốc là thấp nhất, chỉ giảm 1.5% và 2.9% so với cùng kỳ năm trước, sau đó là EU (-7.7% YoY). Các thị trường còn lại ghi nhận mức giảm trên 2 con số. Lũy kế 2 tháng đầu năm, xuất khẩu sang thị trường Mỹ và EU vẫn đang đóng góp chính cho tổng tăng trưởng xuất khẩu của cả nước, với mức tăng lần lượt là 29.1% và 15.5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Xét theo các mặt hàng chủ lực: Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đều ghi nhận mức tăng trưởng dương trên 2 con số trong 2 tháng đầu năm 2024. Tuy nhiên, xuất khẩu nhóm Đồ điện tử, Sắt thép và Nông, lâm sản vẫn là những động lực tăng trưởng chính.

Bảng 1: Tình hình thương mại tháng 02/2024.

| | Tỷ trọng | Dec-23 | Jan-24 | Feb-24 | YTD |
|--|----------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| Kim ngạch Xuất khẩu (Triệu USD) | | 32,063 | 34,531 | 24,684 | 59,215 |
| <i>Khu vực FDI</i> | 72% | 22,500 | 24,870 | 18,173 | 43,044 |
| <i>Khu vực trong nước</i> | 28% | 9,563 | 9,661 | 6,510 | 16,171 |
| Kim ngạch Nhập khẩu (Triệu USD) | | 29,881 | 29,624 | 30,898 | 23,314 |
| <i>Khu vực FDI</i> | 64% | 18,502 | 19,651 | 15,382 | 35,033 |
| <i>Khu vực trong nước</i> | 36% | 11,121 | 11,248 | 7,932 | 19,179 |
| Cán cân thương mại (Triệu USD) | | 2,439 | 3,632 | 1,370 | 5,002 |
| Tăng trưởng Xuất khẩu (YoY) | | 10.10% | 46.20% | -5.20% | 19.30% |
| Tăng trưởng Nhập khẩu (YoY) | | 8.20% | 34.60% | 0.30% | 17.30% |
| Xuất khẩu sang các thị trường lớn | | | | | |
| <i>Mỹ</i> | 29% | 11.70% | 63.40% | -1.54% | 29.12% |
| <i>Trung Quốc</i> | 13% | 9.50% | 17.70% | -2.92% | 7.85% |
| <i>EU</i> | 13% | 6.20% | 39.70% | -7.70% | 15.53% |
| Nhập khẩu từ các thị trường lớn | | | | | |
| <i>Trung Quốc</i> | 38% | 22.90% | 64.40% | 11.49% | 38.93% |
| <i>Hàn Quốc</i> | 14% | 5.50% | 7.20% | -0.93% | 3.16% |
| <i>ASEAN</i> | 12% | -10.50% | 19.90% | -6.26% | 6.07% |

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, xuất nhập khẩu tháng 2 chậm lại do trong tháng có kỳ nghỉ Lễ Tết Nguyên đán dài 8 ngày. Tăng trưởng xuất khẩu giảm 5.2% so với cùng kỳ năm trước, trong khi đó nhập khẩu tăng 0.3% so với cùng kỳ năm trước. So với số liệu ước tính của Tổng cục Thống kê đưa ra trước đó (XK: -5%, NK: +1.8%), không có sự thay đổi quá lớn. Lũy kế 2 tháng đầu năm (đã loại trừ yếu tố Tết hàng năm), tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ghi nhận mức tăng 19.3% so với cùng kỳ năm ngoái và kim ngạch nhập khẩu cũng tăng 17.35%. **Cán cân thương mại tiếp tục ghi nhận thặng dư 1.37 tỷ USD, lũy kế từ đầu năm cán cân thương mại thặng dư 5 tỷ USD, tiếp tục là mức thặng dư kỷ lục từ trước đến nay.**

Hình 2: Kim ngạch XNK hàng tháng (triệu USD)


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

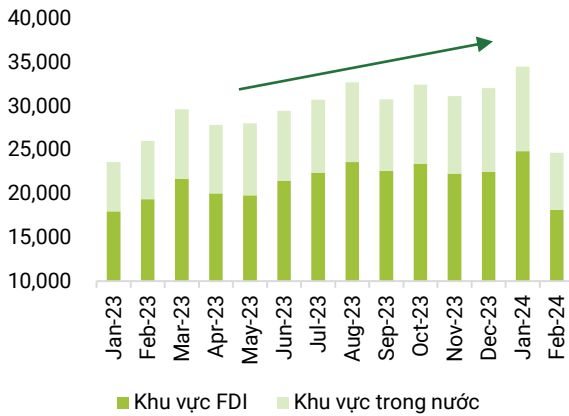
Hình 3: Kim ngạch Xuất và Nhập khẩu tính tới ngày 29/02 (triệu USD)


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

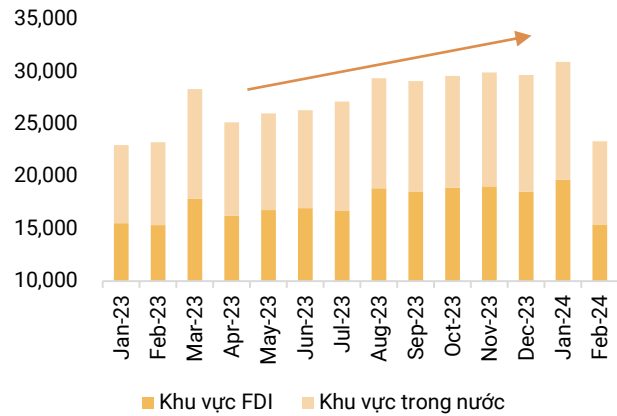
So với cùng kỳ năm trước, mặc dù kim ngạch xuất khẩu trong tháng 2 giảm 5.2% do yếu tố Tết Nguyên đán nhưng nhập khẩu vẫn duy trì mức tăng trưởng dương (+0.3% YoY). Điều này phần nào cho thấy được nhu cầu sản xuất và các đơn đặt hàng xuất khẩu phục hồi đã thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường nhập khẩu nguyên vật liệu mạnh hơn.

Số liệu PMI trong tháng 2 cũng tiếp tục cho thấy sự mở rộng, đạt 50.4 điểm, tăng nhẹ so với mức 50.3 điểm của tháng 1 cũng cho thấy rõ hơn xu hướng này. Số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục ghi nhận những tín hiệu cải thiện, sản lượng và việc làm cũng tăng lên. Lượng việc làm theo khảo sát là cao nhất trong vòng một năm qua mặc dù chủ yếu là lao động tạm thời. Do đó, chúng tôi cho rằng ngành sản xuất mặc dù hồi phục chậm nhưng vẫn đang cho thấy dấu hiệu cải thiện qua từng tháng. So với các quốc gia trong khu vực, Việt Nam cũng là một trong những quốc gia hiếm hoi ghi nhận sự cải thiện số đơn hàng xuất khẩu (Thái Lan, Malaysia đều cho thấy sự suy giảm).

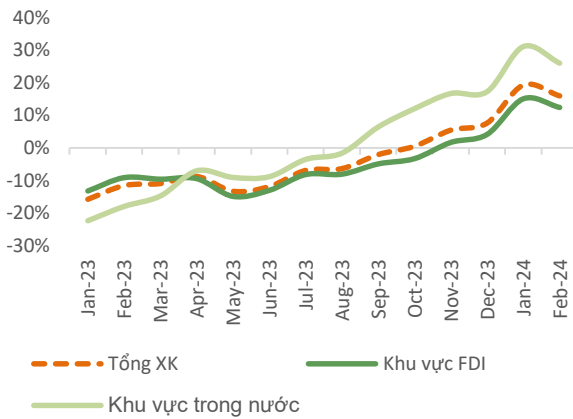
Xét theo khu vực, tăng trưởng xuất khẩu của khu vực trong nước tiếp tục cho thấy sự bứt phá tốt hơn so với khu vực FDI trong 2 tháng đầu năm. Trong đó, xuất khẩu của khu vực trong nước tăng 31.6%, khu vực FDI tăng 15.3% so với cùng kỳ năm ngoái. Tỷ trọng xuất khẩu của khu vực FDI và trong nước chiếm lần lượt 73% và 27% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Hình 3: Kim ngạch XK hàng tháng (triệu USD)


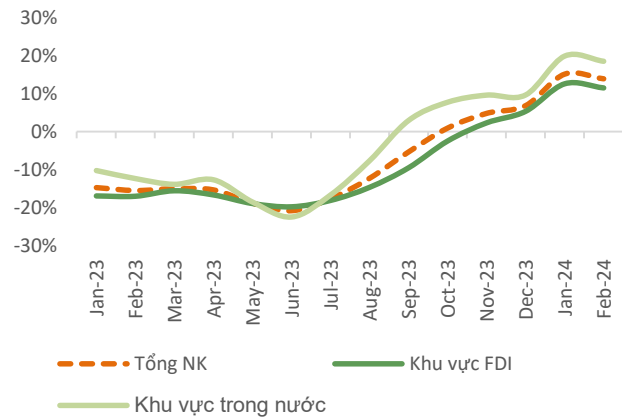
Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Hình 4: Kim ngạch NK hàng tháng (triệu USD)


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Hình 5: Tăng trưởng XK theo khu vực bình quân 3 tháng liên kê (%YoY)


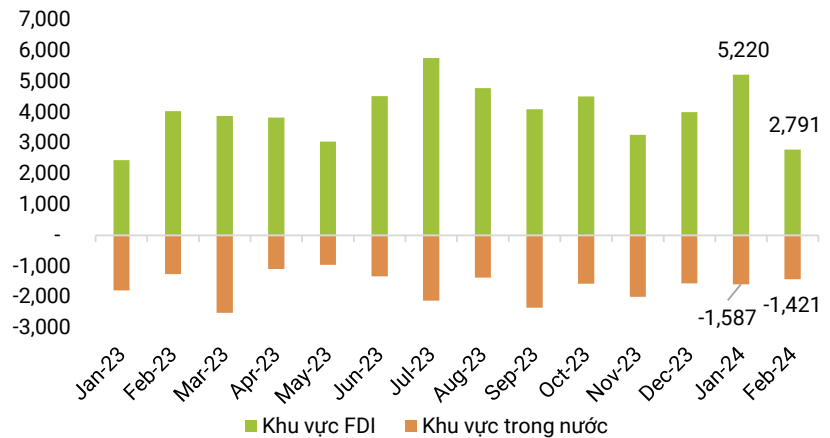
Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Hình 6: Tăng trưởng NK theo khu vực bình quân 3 tháng liên kê (%YoY)


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Trong 5 tỷ USD thặng dư cán cân thương mại, cán cân thương mại của khu vực FDI thặng dư hơn 8 tỷ USD, khu vực trong nước thâm hụt 3 tỷ USD. Cán cân thương mại FDI luôn duy trì được mức thặng dư liên tục qua các tháng, trong khi đó cán cân thương mại của khu vực trong nước vẫn luôn ghi nhận trạng thái thâm hụt. Đây là đặc điểm khác biệt rõ rệt giữa thương mại của khu vực FDI và khu vực trong nước từ trước đến nay.

Tuy nhiên, chúng ta phải thừa nhận một điều rằng, tính đến tháng 2/2024, mức thâm hụt của khu vực trong nước đã dần thu hẹp so với các giai đoạn trước khi xuất khẩu của các mặt hàng nông lâm sản trong nước tăng mạnh. Tuy nhiên, với mức thâm hụt thương mại của khu vực trong nước hơn 3 tỷ USD, cùng với việc tắc nghẽn của những nguồn cung USD trong nước khác vẫn khiến cho tỷ giá US\$VND liên tục chịu nhiều áp lực trong giai đoạn gần đây (**chi tiết xem thêm tại Báo cáo cập nhật tỷ giá của PHS ngày 27/03/2024**).

Hình 7: Cán cân thương mại theo khu vực (triệu USD)


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

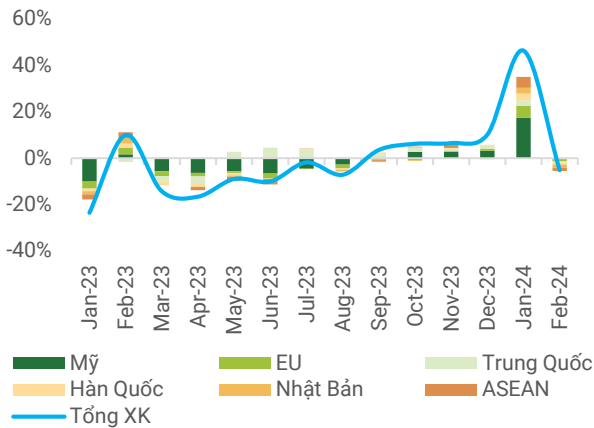
Xét về đối tác xuất khẩu: Xuất khẩu tháng 2 chậm lại ở tất cả các khu vực do yếu tố chu kỳ. Tuy nhiên, mức giảm của Mỹ và Trung Quốc là thấp nhất, chỉ giảm 1.5% và 2.9% so với cùng kỳ năm trước, sau đó là EU (-7.7% YoY). Các thị trường còn lại ghi nhận mức giảm trên 2 con số.

Lũy kế 2 tháng đầu năm, xuất khẩu sang thị trường Mỹ và EU vẫn đang đóng góp chính cho tổng tăng trưởng xuất khẩu của cả nước, với mức tăng lần lượt là 29.1% và 15.5% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo sau đó là ASEAN (+12.6% YoY), Hàn Quốc (+10.0% YoY), Trung Quốc và Nhật Bản (+7.9% YoY).

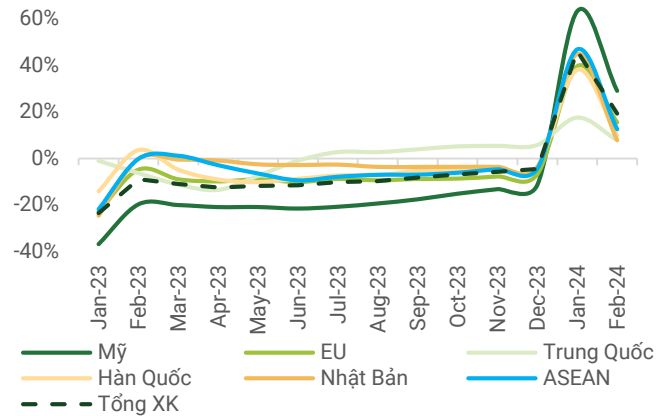
Khách hàng lớn nhất của Việt Nam là Mỹ ghi nhận mức nhập khẩu tăng mạnh trong 2 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm ngoái, với kim ngạch xuất khẩu lũy kế 2 tháng đạt trên 16.8 tỷ USD, tăng tương ứng hơn 3.8 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, mức tăng chủ yếu đến từ nhóm Đồ điện tử, tăng 44% YoY – tương ứng với mức tăng hơn 1.7 tỷ USD, theo sau là nhóm hàng Dệt may, giày dép tăng 16.1% YoY – tương ứng với mức tăng hơn 457 triệu USD; nhóm hàng Gỗ và sản phẩm gỗ tăng gần 52% YoY – tương ứng với mức tăng gần 406 triệu USD.

Đối với khách hàng lớn EU, Việt Nam cũng ghi nhận xuất khẩu tăng mạnh trong 2 tháng đầu năm với hơn 7.5 tỷ USD. Trong đó, các mặt hàng có mức xuất khẩu phục hồi mạnh mẽ nhất phải kể đến như là: Sắt thép (+119.3% YoY), Đồ điện tử (+28.7% YoY), Dệt may, giày dép (+ 13.3% YoY) và Cà phê (+65.5% YoY). Giá cà phê xuất khẩu Robusta tăng mạnh trên thị trường thế giới và liên tục ghi nhận mức cao mới từ trước đến nay là nguyên nhân chính khiến giá trị xuất khẩu của Việt Nam đối với mặt hàng này sang khu vực EU liên tục tăng mạnh trong thời gian gần đây.

Sức khỏe của nền kinh tế Mỹ, theo dự báo mới nhất của Fed trong cuộc họp tháng 3 vừa rồi dự kiến sẽ tốt hơn trong năm 2024, với tốc độ tăng trưởng GDP có thể đạt 2.1% (cao hơn mức dự báo trong cuộc họp tháng 12/2023:1.4%), đi kèm với đó là tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống 4% (12/2023: 4.1%). Điều này cho thấy nền kinh tế Mỹ sẽ đạt được mục tiêu hạ cánh mềm, đây là một trong những yếu tố sẽ giúp cho xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục duy trì được sự hồi phục và tăng trưởng trong thời gian tới.

Hình 8: Đóng góp của các đối tác thương mại lớn trong tăng trưởng XK YoY


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Hình 9: Lũy kế tăng trưởng XK (YTD YoY)


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

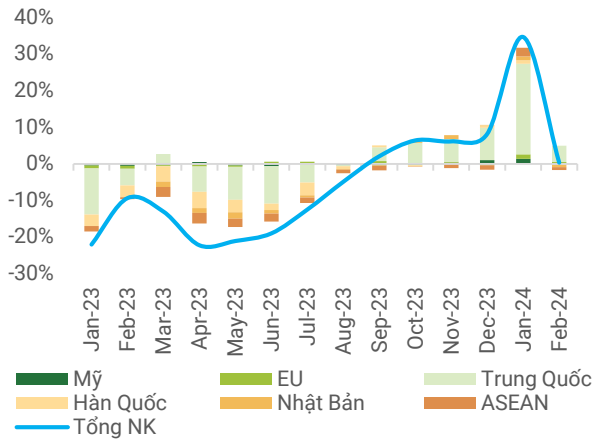
Bảng 2: Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu qua các đối tác thương mại chính so với cùng kỳ năm trước

| | Xuất khẩu | | Nhập khẩu | |
|-------------|-------------|--------------|-------------|-------------|
| | Tỷ trọng | %YoY | Tỷ trọng | %YoY |
| Mỹ | 27% | -1.5% | 4% | 1.8% |
| EU | 13% | -7.7% | 4% | 10.0% |
| Trung Quốc | 14% | -2.9% | 38% | 11.5% |
| Hàn Quốc | 7% | -12.8% | 14% | -0.9% |
| Nhật Bản | 6% | -23.5% | 6% | -13.0% |
| ASEAN | 10% | -13.6% | 12% | -6.3% |
| Tổng | 100% | -5.2% | 100% | 0.3% |

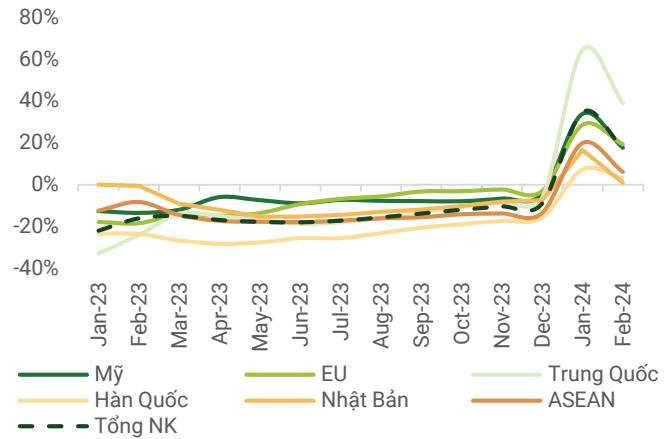
Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Nhu cầu nhập khẩu không hề có dấu hiệu chậm lại trong tháng 2 so với cùng kỳ năm ngoái mặc dù là giai đoạn có Tết. Đặc biệt, nhu cầu nhập khẩu từ Trung Quốc (chiếm 38% tổng kim ngạch nhập khẩu) tăng hơn 11.5% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 2 tháng đầu năm, tăng trưởng nhập khẩu từ đối tác Trung Quốc của Việt Nam tăng gần 39% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn hẳn so với các khu vực khác như Hàn Quốc (+3.2% YoY) và ASEAN (+6.1% YoY).

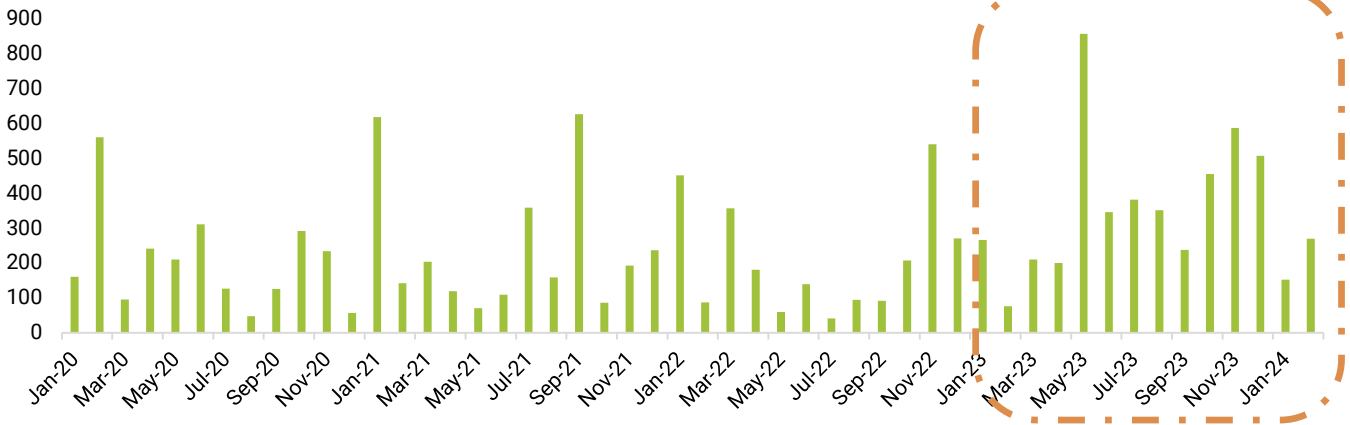
Xu hướng nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Trung Quốc đang ngày càng tăng lên. Hiệu ứng này là kết quả của xu hướng chuyển dịch chuỗi sản xuất của các doanh nghiệp Trung Quốc sang Việt Nam trong nhiều năm trở lại đây, và đặc biệt là giai đoạn từ đầu năm 2023 đến nay. Nhu cầu hàng hóa của Việt Nam đối với nhà cung cấp Trung Quốc tăng lên khi chuỗi ứng trở nên liên kết chặt chẽ hơn với dòng vốn FDI từ Trung Quốc. Yếu tố này mang đến cả những thuận lợi cũng như khó khăn nhất định cho nền kinh tế trong nước. Điều này cũng đã được chúng tôi đề cập chi tiết trong báo cáo Vĩ mô tháng trước.

Hình 10: Đóng góp của các đối tác thương mại lớn trong tăng trưởng NK YoY


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Hình 11: Lũy kế tăng trưởng NK (YTD YoY)


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

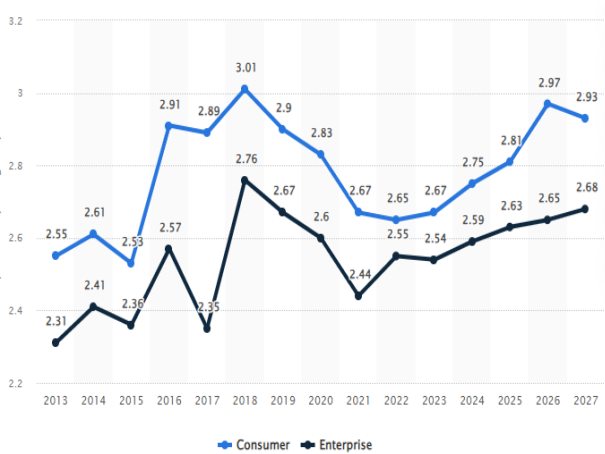
Hình 12: Tổng vốn đăng ký FDI của Trung Quốc vào Việt Nam hàng tháng (triệu USD)


Nguồn: Bộ Đầu tư, PHS tổng hợp

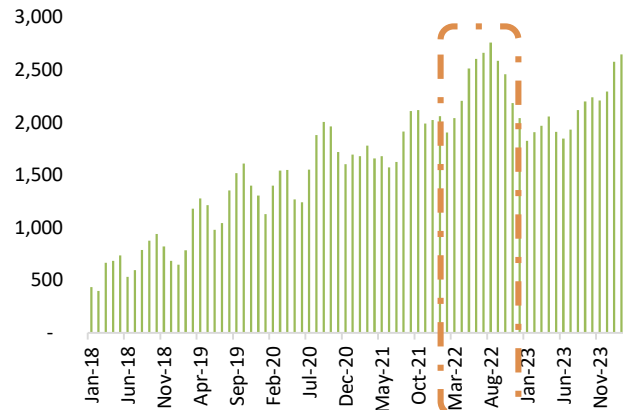
Xét theo các mặt hàng chủ lực: Mặc dù tổng kim ngạch xuất khẩu tháng 2 giảm so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn có 2 mặt hàng duy trì được mức tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm ngoái, đó là nhóm Đồ điện tử và Sắt thép kim loại thường khác.

Xuất khẩu đồ điện tử liên tục tăng trưởng tốt đúng như kỳ vọng trong báo cáo các tháng trước của chúng tôi, đặc biệt là xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Lũy kế 2 tháng đầu năm, xuất khẩu của nhóm Đồ điện tử tăng 22.1% so với cùng kỳ năm ngoái, tương ứng với mức tăng gần 3.8 tỷ USD, chiếm gần 40% mức tăng chung của tổng kim ngạch xuất khẩu 2 tháng đầu năm 2024 so với 2 tháng đầu năm 2023 (+9.6 tỷ USD).

3 thị trường xuất khẩu đồ điện tử lớn nhất của Việt Nam là Mỹ (41%), Trung Quốc (23%) và EU (17%). Trong đó, riêng đối với thị trường Mỹ, chúng tôi nhận thấy rằng chu kỳ thay thế đồ điện tử của người tiêu dùng tại nước này dao động từ 2-3 năm. Do đó, với việc bùng nổ nhu cầu nhập khẩu đồ điện tử từ Việt Nam sang thị trường Mỹ xảy ra trong giai đoạn năm 2022, chúng tôi kỳ vọng chu kỳ này sẽ quay trở lại trong giai đoạn 2024-2025 khi nhu cầu thay thế đồ công nghệ mới của người tiêu dùng Mỹ quay trở lại.

Hình 13: Chu kỳ thay thế của điện thoại thông minh tại Mỹ.


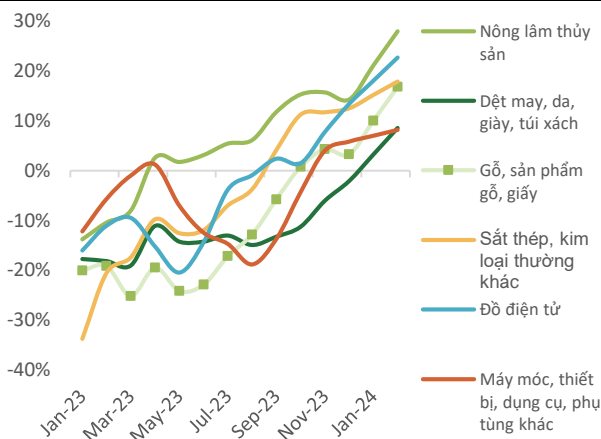
Nguồn: Statista, PHS tổng hợp

Hình 14: Kim ngạch Xuất khẩu đồ điện tử của Việt Nam sang Mỹ (triệu USD)


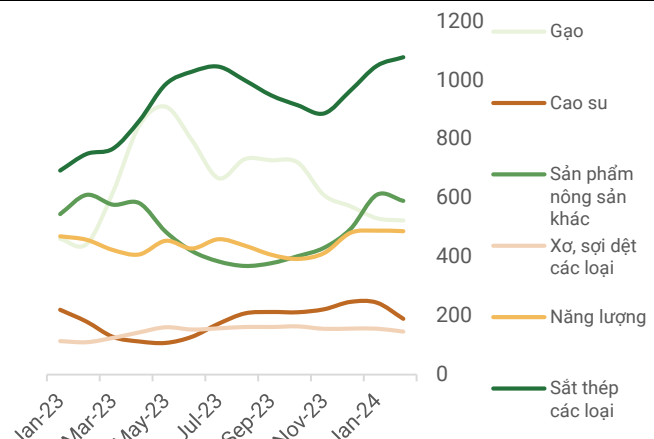
Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Sản lượng xuất khẩu sắt thép tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trong nhiều tháng liên tiếp. Kim ngạch xuất khẩu Sắt thép tháng 2 tăng 0.2% so với cùng kỳ năm trước, lũy kế 2 tháng đầu năm tăng 23.4% YoY. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI và khu vực trong nước đối với mặt hàng này gần như chiếm tỷ trọng ngang ngửa nhau trong tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép cả nước.

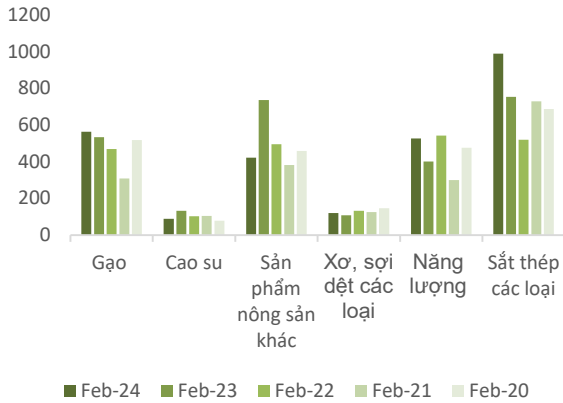
Tuy nhiên, tăng trưởng xuất khẩu sắt thép của khu vực FDI chỉ tăng 7.3% so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi đó khu vực trong nước tăng 73.6%. **Điều này cho thấy rõ sự phục hồi rõ nét của các doanh nghiệp xuất khẩu sắt thép trong nước.** Tăng trưởng nhập khẩu Sắt thép từ thị trường Trung Quốc cũng tăng mạnh trong 2 tháng đầu năm, theo như tìm hiểu của chúng tôi thì lượng nhập khẩu này chủ yếu là để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất - xuất khẩu của các doanh nghiệp hơn là tiêu dùng trong nước.

Hình 15: Tăng trưởng XK bình quân của các mặt hàng chủ lực trong 3 tháng liên kề (% YoY)


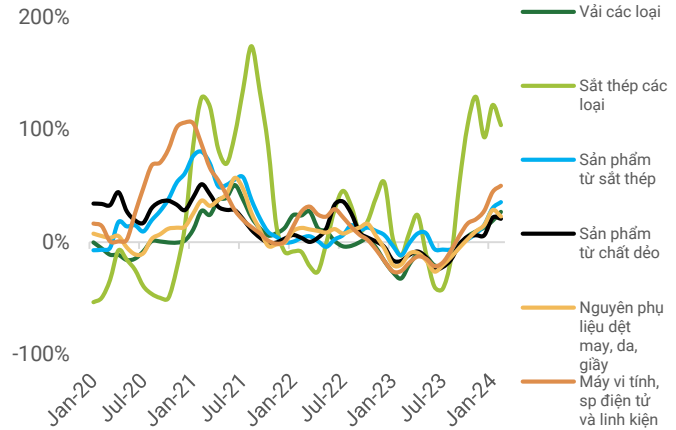
Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Hình 16: Sản lượng XK bình quân trong 3 tháng liên kề (nghìn tấn)


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Hình 17: Sản lượng XK tính tới ngày 29/02 (nghìn tấn)


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Hình 18: Tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu bình quân 3 tháng liền kề của các sản phẩm chính từ Trung Quốc.


Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ cũng tiếp tục được hưởng lợi nhờ tín hiệu hồi phục của thị trường Bất động sản tại Hoa Kỳ. Trong khi đó, xuất khẩu của nhóm các mặt hàng nông sản tiếp tục mang đến những điểm nhấn tích cực nhờ hưởng lợi từ giá thành xuất khẩu tốt. Chi tiết cũng đã được PHS đề cập trong báo cáo Vĩ mô tháng 2/2023.

Và hầu hết các mặt hàng xuất khẩu còn lại cũng đều ghi nhận mức kim ngạch xuất khẩu tốt trong 2 tháng đầu năm, với mức tăng trưởng trên 2 con số.

Chúng tôi duy trì dự báo tích cực với cả xuất khẩu và nhập khẩu trong tháng 3. Cán cân thương mại tiếp tục thặng dư từ 1-2 tỷ USD. Thị trường Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đặc biệt là khi nền kinh tế của nước này vẫn cho thấy mức tăng trưởng ấn tượng. Thị trường EU dự kiến sẽ sớm hồi phục khi Ngân hàng trung ương Châu Âu phát đi tín hiệu sẽ giảm lãi suất trước Fed. Các sản phẩm nông, lâm sản và sắt thép tiếp tục là động lực hỗ trợ cho xuất khẩu cho khu vực trong nước tăng trưởng mạnh mẽ. Trong khi đó, xuất khẩu của khu vực FDI tiếp tục được hưởng lợi nhờ chu kỳ bùng nổ của đồ điện tử.

Phụ lục 1: Kim ngạch XK của các mặt hàng chính.

| ĐVT: Tỷ USD | Feb-23 | Mar-23 | Apr-23 | May-23 | Jun-23 | Jul-23 | Aug-23 | Sep-23 | Oct-23 | Nov-23 | Dec-23 | Jan-24 | Feb-24 |
|---|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Tổng XK | 26.0 | 29.7 | 27.9 | 28.1 | 29.5 | 30.7 | 32.7 | 30.8 | 32.5 | 31.1 | 32.1 | 34.5 | 24.7 |
| Nông lâm thủy sản | 2.3 | 2.9 | 2.7 | 2.9 | 2.9 | 2.6 | 2.9 | 2.8 | 2.9 | 2.8 | 3.0 | 3.3 | 2.1 |
| Dệt may, da, giày, túi xách | 4.6 | 5.2 | 5.4 | 5.8 | 5.8 | 6.2 | 6.3 | 4.8 | 5.3 | 5.7 | 5.8 | 6.2 | 3.9 |
| Gỗ, sản phẩm gỗ, giấy | 1.0 | 1.3 | 1.3 | 1.2 | 1.3 | 1.3 | 1.5 | 1.3 | 1.5 | 1.4 | 1.5 | 1.6 | 0.9 |
| Sắt thép, kim loại thường khác | 1.2 | 1.5 | 1.6 | 1.6 | 1.5 | 1.4 | 1.4 | 1.2 | 1.3 | 1.3 | 1.4 | 1.6 | 1.2 |
| Đồ điện tử | 8.5 | 9.6 | 8.4 | 7.9 | 9.5 | 10.0 | 11.2 | 11.4 | 11.4 | 10.5 | 10.4 | 11.7 | 9.2 |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác | 3.4 | 3.6 | 3.4 | 3.3 | 3.2 | 3.6 | 3.6 | 4.1 | 4.5 | 3.9 | 3.9 | 4.0 | 3.0 |
| Khác | 5.0 | 5.6 | 5.2 | 5.3 | 5.3 | 5.8 | 5.9 | 5.2 | 5.7 | 5.6 | 6.0 | 6.1 | 4.3 |

Phụ lục 2: Kim ngạch NK của các mặt hàng chính.

| ĐVT: Tỷ USD | Feb-23 | Mar-23 | Apr-23 | May-23 | Jun-23 | Jul-23 | Aug-23 | Sep-23 | Oct-23 | Nov-23 | Dec-23 | Jan-24 | Feb-24 |
|---|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Tổng NK | 23.2 | 28.3 | 25.1 | 26.0 | 26.3 | 27.1 | 29.3 | 29.1 | 29.5 | 29.9 | 29.6 | 30.9 | 23.3 |
| Nông lâm thủy sản | 1.1 | 1.4 | 1.2 | 1.0 | 1.2 | 1.1 | 1.3 | 1.1 | 1.1 | 0.8 | 1.2 | 1.1 | 0.9 |
| Đồ điện tử | 6.8 | 7.8 | 7.0 | 7.0 | 7.7 | 8.5 | 9.6 | 9.9 | 9.9 | 9.8 | 9.3 | 9.9 | 8.0 |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác | 2.9 | 3.6 | 3.3 | 3.6 | 3.4 | 3.6 | 3.7 | 3.6 | 3.6 | 3.8 | 3.9 | 4.0 | 2.6 |
| Năng lượng | 2.2 | 2.2 | 2.2 | 2.5 | 2.6 | 2.5 | 2.4 | 1.9 | 2.6 | 2.3 | 2.5 | 2.7 | 2.3 |
| Dệt may, da, giày, túi xách | 1.5 | 2.3 | 2.1 | 2.2 | 2.0 | 1.9 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.1 | 2.1 | 2.3 | 1.5 |
| Sắt thép, kim loại thường khác | 1.9 | 2.7 | 2.4 | 2.1 | 2.1 | 2.2 | 2.4 | 2.4 | 2.4 | 2.7 | 2.4 | 2.7 | 2.1 |
| Hóa chất | 1.7 | 2.1 | 1.8 | 2.0 | 1.8 | 1.8 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.1 | 2.0 | 2.0 | 1.5 |
| Khác | 5.1 | 6.2 | 5.2 | 5.5 | 5.5 | 5.5 | 5.9 | 6.2 | 5.9 | 6.4 | 6.2 | 6.2 | 4.5 |

Phụ lục 3: Kim ngạch XK sang các đối tác thương mại chính.

| ĐVT: Tỷ USD | Feb-23 | Mar-23 | Apr-23 | May-23 | Jun-23 | Jul-23 | Aug-23 | Sep-23 | Oct-23 | Nov-23 | Dec-23 | Jan-24 | Feb-24 |
|-------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Tổng XK | 26.0 | 29.7 | 27.9 | 28.1 | 29.5 | 30.7 | 32.7 | 30.8 | 32.5 | 31.1 | 32.1 | 34.5 | 24.7 |
| Mỹ | 6.9 | 7.7 | 7.9 | 7.7 | 8.1 | 8.7 | 9.0 | 8.1 | 9.0 | 8.6 | 9.1 | 10.1 | 6.8 |
| EU | 3.4 | 3.7 | 3.8 | 3.6 | 3.6 | 3.9 | 3.7 | 3.5 | 3.7 | 3.7 | 3.6 | 4.6 | 3.2 |
| Trung Quốc | 3.5 | 4.5 | 3.6 | 4.9 | 5.6 | 4.9 | 5.8 | 6.2 | 6.7 | 5.9 | 5.6 | 4.6 | 3.4 |
| Hàn Quốc | 2.1 | 2.1 | 1.7 | 1.6 | 1.9 | 2.1 | 2.4 | 2.2 | 2.0 | 1.8 | 2.0 | 2.3 | 1.8 |
| Nhật Bản | 1.8 | 2.0 | 2.0 | 1.8 | 2.0 | 2.0 | 2.2 | 1.9 | 2.0 | 2.1 | 2.0 | 2.2 | 1.4 |
| ASEAN | 2.8 | 3.1 | 2.7 | 2.7 | 2.5 | 2.9 | 3.0 | 2.5 | 2.6 | 2.8 | 2.8 | 3.2 | 2.5 |

Phụ lục 4: Kim ngạch NK sang các đối tác thương mại chính.

| ĐVT: Tỷ USD | Feb-23 | Mar-23 | Apr-23 | May-23 | Jun-23 | Jul-23 | Aug-23 | Sep-23 | Oct-23 | Nov-23 | Dec-23 | Jan-24 | Feb-24 |
|-------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Tổng NK | 23.2 | 28.3 | 25.1 | 26.0 | 26.3 | 27.1 | 29.3 | 29.1 | 29.5 | 29.9 | 29.6 | 30.9 | 23.3 |
| Mỹ | 0.9 | 1.2 | 1.3 | 1.3 | 1.2 | 1.2 | 1.1 | 1.1 | 1.1 | 1.2 | 1.3 | 1.2 | 1.0 |
| EU | 1.0 | 1.3 | 1.2 | 1.3 | 1.4 | 1.3 | 1.3 | 1.4 | 1.2 | 1.3 | 1.3 | 1.3 | 1.1 |
| Trung Quốc | 6.7 | 9.7 | 8.7 | 8.8 | 8.5 | 9.0 | 10.2 | 10.3 | 10.2 | 11.0 | 10.3 | 11.9 | 7.5 |
| Hàn Quốc | 3.8 | 4.6 | 3.8 | 4.1 | 4.1 | 4.2 | 4.9 | 4.9 | 4.8 | 4.7 | 4.7 | 4.2 | 3.8 |
| Nhật Bản | 1.9 | 1.7 | 1.7 | 1.4 | 1.8 | 1.7 | 2.0 | 1.8 | 2.0 | 2.0 | 1.9 | 2.0 | 1.6 |
| ASEAN | 3.4 | 3.7 | 3.2 | 3.3 | 3.4 | 3.3 | 3.5 | 3.2 | 3.7 | 3.5 | 3.6 | 3.6 | 3.2 |

Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Bùi Thị Quỳnh Nga, Chuyên viên cao cấp phân tích** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Miễn trừ trách nhiệm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472

Call Center: (84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,
107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7,
Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 và 5, D&D Tower,
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận
3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân
Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,
Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận
Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải
Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801